TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/DS - ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
vàtài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Văn Cao và bà Nguyễn Thuỳ Hương.

- Thư ký phiên tòa:Ông Phan Anh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST - DS ngày 03 tháng 4 năm 2018, về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị T, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (ông H uỷ quyền lại cho bà T tham gia tố tụng), có mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn : ông Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1972; Đơn vị công tác: Công ty luật TNHH T – Đoàn Luật sư TP H; Trụ sở đóng tại: 201 - A3, TT. T, Phường T, Quận B, TP Hà Nội,vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do.

- Bị đơn: ông Phạm Minh T , sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Uỷ quyền cho ông Phạm Minh T tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H uỷ quyền cho bà Thu trình bày:

Năm 2005, vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M bị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Bố Trạch(gọi tắt là Ngân hàng) phát mại tài sản thế chấp. Sau đó giữa Ngân hàng và vợ chồng ông L thống nhất để vợ chồng ông L, bà M tự bán tài sản thế chấp để trả nợ Ngân hàng. Giữa vợ chồng ông L, bà M và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T đã ký kết hợp đồng chuyển quyền sử dụng 140 m^2 đất tại thửa số 121, tờ bản đồ số 01 xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch đã được Ủy ban nhân dân(viết tắt là UBND) huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt GCNQSDĐ) số H865945 ngày 15/12/1996 và tài sản trên đất, hợp đồng được UBND xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch chứng thực. Sau đó UBND huyện Bố Trạch đã cấp cho vợ chồng ông bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 ngày 28/02/2006, tuy nhiên diện tích đất chỉ còn 107 m^2.

Cuối năm 2015, ông Nguyễn Minh T đào móng là m nhà trên đất của ông T (thửa đất số 123). Bà thấy ông T đào móng lấn sang đất của ông , bà với kích thước dọc theo nhà ông T dài 12,5m x rộng 0,55m (khoảng 7m^2) và phần xây dựng tầng hai lấn sang cũng với diện tích dài 12,5m x rộng 0,55m (khoảng 7m^2), bà đã báo với cán bộ xã Đức Trạch nhưng xã không giải quyết. Ông T xây dựng công trình trên đất của bà, đập phá ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ) của nhà bà. Khi ông T xây dựng xong công trình thì ngày 17/6/2016, Uỷ ban nhân dân xã Đức Trạch mới tổ c hức hoà giải nhưn g ông T không chịu trả đất cho ô ng, bà. Ngày 10/8/2016, Uỷ ban nhân dân xã Đức Trạch tiếp tục tổ chức hoà giải nhưng không thành.

Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm dài 12,5m x rộng 0,55m (khoảng 7m^2),buộc tháo dở phần xây dựng tầng hai lấn sang cũng với diện tích dài 12,5m x rộng 0,55m (khoảng 7m^2) và bồi thường ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ) đã bị ông T khi xây dựng nhà đã đập phá, đồng thời sau đó bà trình bày bổ sung yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 ngày 28/02/2006, diện tích đất 107 m^2).

Bị đơn: Ông Phạm Minh T và là người được người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan uỷ quyền trình bày:

Vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị B (đã chết) mua lại đất của ông Nguyễn Tư R vào năm 1973. Đến năm 1997 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , diện tích đất này là của vợ chồng ông (vợ trước) không liên quan đến vợ sau Lê Thị L. Diện tích đất được c ấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 là 150m^2, đến năm 2010 được cấp đổi lại thẻ hồng cũng với diện tích 150m^2, đến năm 2016 ông đã tặng cho quyền sử dụng đất cho cháu Phạm Mi nh D (cháu nội của ông), tại thời điểm này đã tiến hành đo đạc lại để làm giấy chứng nhận quyền sử dụn g đất mang tên Phạm Minh D thì diện tích đất còn lại chỉ 126m^2, như vậy ông bị thiếu mất 24m^{2}đất so với diện tích ban đầu . Nhưng ông cũng chấp nhận việc thiếu hụt n ày và không khiếu kiện ai. Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đấ t 2016 mang tên Phạm Minh D, các hộ liền kề đều đồng ý ký vào hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất đối với Phạm Minh D, trong đó có vợ chồng Lê Thị T và Nguyễn Văn H. Năm 2016 ông làm nhà, khi xây dựng vợ chồng bà T, ông H không có ý kiến gì.

Hiện nay bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H khởi kiện ông lấn chiếm đất khoảng 7m^2 (theo đơn khởi kiện)và yêu cầu bồi thường ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ) là không có căn cứ. Riêng phần xây máng nước trên tầng 2 có lấn sang đất của bà T, ông H kích thước chiều dài theo nhà là khoảng 6 mét, rộng khoảng 0,5m. Nếu vợ chồng bà T, ông H yêu cầu ôngtháo dở công trình xây dựng trên thì ông sẻ tháo dở để trả lại khoảng không cho bà T, ông H và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án ông đã tháo dở toàn bộ diện tích xây dựng này.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị L hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông Phạm Minh T và đã uỷ quyền cho ông T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

Kết quả xem xét thẩm định tại chổ, cụ thể (có sơ đồ kèm theo):

+ Thửa đất của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 104,5m^2.

- Phía Bắc giáp đường đi, kích thước 3,9m + 2,8m + 7,7m.

- Phía Đông giáp đất bà T, ông H, kích thước 8,2m.

- Phía Nam giáp đất ông T , kích thước 9,9m và đấ t bà L , kích thước 1,8m + 2,8m.

- Phía Tây giáp đất ông T, kích thước 6,0m.

+ Thửa đất ông Phạm Minh T tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 129,2m^2.

- Phía Bắc giáp đất ông T , kích thước 3,8 +1,1m + 1,1m và giáp đất bà T, ông H, kích thước 9,9m.

- Phía Đông giáp đất bà L, kích thước 6,3m; Giáp đường đi, kích thước 1,6m + 0,8m và giáp đất bà L, kích thước 0,8m + 1,5m.

- Phía Nam giáp đất ông X, kích thước 5,6m + 0,2m + 7,5m.

- Phía Tây giáp đất bà H, kích thước 7,7m.

+ Khoảng hở tính từ mép tường nhà (mặt trước) nhà bà T , ông H sang mép ngoài hàng rào nhà ông T là 16cm (hướng Đông); Từ khoảng hở này kéo dọc ra sau

03m thì khoảng cá ch giữa tường nhà ông T và tường nhà bà T , ông H là 25cm; Khoảng hở sau cùng (thứ 3) giữa tường nhà ông T và tườ ng nhà bà T, ông H là 13cm.

+ Phần xây dựng (dùng làm máng nước) tầng hai nhà ông T tính từ mép tường nhà ông T có kích thước dài 6,15m, rộng 15cm.

+ Móng nhà ông T giáp nhà bà T, ông H (tính từ tường nhà ra mép ngoài của móng) có kích thước dài 6,15m, rộng 07cm.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn đồng thời đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan nhất trí một phần với việc khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ông Phạm Minh T trả lại 6,9m^2 đất (12,5m x 0,55m); không chấp nhận yêu cầu của nguyê n đơn buộc ông Phạm Minh T tháo dở 6,9m^2 phần xây dựng trên không (tầng hai) nhà ông Thiện (12,5m x 0,55m) vì đã được ông Thiện tự nguyện tháo dỡ ; không chấp nhận yêu cầu buộc ông T phải bồi thường ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ) mà theo nguyên đơn đã bị ông T đập phá khi xây dựng nhà vì không có căn cứ ;Không giải quyết yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông , bà (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 ngày 28/02/2006, diện tích đất 107 m^2) vì yêu cầu này đã được Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giải quyết tại Bản án số 16/2019/DS – PT ngày 18/3/2019.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầubuộc ông Phạm Minh T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm dài 12,5m x rộng 0,55m = 6,9m^2 , buộc tháo dở phần xây dựng tầng hai cũng với diện tích dài 12,5m x rộng 0,55m = 6,9m^2 và bồi thường ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ) đã bị ông Thiện khi xây dựng nhà đã đập phá, đồng thời sau đó trình bày bổ sung yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông , bà (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 ngày 28/02/2006, diện tích đất 107 m^2).

[2] Xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Năm 1996, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M ở tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Bố Trạch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 865945 với diện tích 140m^2 đất tại thửa số 121, tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện B.

[2.1] Năm 2005, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T lập Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa số 121, tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện B, ngày 03/01/2006 UBND xã Đ tiến hành kiểm tra thực địa thửa đất để làm thủ tục chuyển nhượng thì diện tích thực tế thửa đất 121, tờ bản đồ số 01 xã Đ có diện tích 107,0 m^2, việc đo đạc đã được các bên ký xác nhận số đo thực tế.

[2.3] Căn cứ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà M và ông H, bà T do UBND xã Đức Trạch chuyển đến, UBND huyện Bố Trạch đã hoàn tất thủ tục và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 tại thửa 121, tờ bản đồ số 01, diện tích 107,0 m^2 cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T.

[2.4] Theo bà T thì ngôi nhà vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L và vợ là Nguyễn Thị M hiện nay hiện trạng vẫn còn nguyên trạng, chưa có gì thay đổi so với thời điểm nhận chuyển nhượng.

[2.5] Quá trình sử dụng đất ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp này để thế chấp vay vốn Ngân hàng nhiều lần và không có ý kiến gì về việc thiếu diện tích theo hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

[2.6] Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà T, ông H và ông T, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chổ đối với diện tích đất của ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T như sau: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa số 121, tờ bản đồ số 01 xã Đức Trạch có diện tích 107 m^2, kiểm tra thực tế thửa đất có diện tích 104,5m^2.Kết quả xét xử sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T, không chấp nhận yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 01 xã Đức Trạch có diện tích 107m^{2}cho bà T và ông H, do có kháng cáo của bà T nênToà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm tại Bản án số 16/2019/DS – PT ngày 18/3/2019 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, ông H và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2.7] Năm 1997 ông Phạm Minh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 150m^2, đến năm 2010 được cấp đổi lại thẻ hồng cũng với diện tích 150m^2, đến

năm 2016 ông T tặng cho quyền sử dụng đất cho cháu Phạm M inh D (cháu nội của ông), tại thời điểm này đã tiến hành đo đạc lại để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Minh D thì diện tích đất còn lại chỉ 126m^2, như vậy ông bị thiếu 24m^2 so với diện tích đất ban đầu.

[2.8]Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đấ t 2016 mang tên Phạm Minh D, các hộ liền kề đều đồng ý ký vào h ồ sơ tặng cho Phạm Minh D , trong đó có vợ chồng Lê Thị T và Nguyễn Văn H. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Phạm Minh D đã bị Toà án nh ân dân tỉnh Quảng Bình huỷ theo yêu cầu khởi kiện của ông T và làm thủ tục chia thừa kế giao lại toàn bộ diện tích đấ t này cho ông Phạm Minh T có quyền sử dụng. Quá trình sử dụng đất giữa ông T và các hộ liền kề đã xây dựng tường rào hoặc tường nhà cố định theo ranh giới đất từ lâu. Mặt khác theo bà T thì ngôi nhà nhậ n chuyển nhượng từ ông L , bà M đến nay có thời gian sử dụng gần 100 năm, không có thay đổi gì so với hiện trạng ban đầu.

[2.9] Kết quả hoà giải tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Trạch : Theo ý kiến của cán bộ địa chính xã Đức Trạch thì ông T không lấn đất của bà T và ông H , riêng phần xây dựng trên không (tầng 2) thì ông T có lấn sang phần đất của bà T và ông H, đề nghị xem xét thoả đáng.

[2.10]Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ có kết quả:

+ Thửa đất của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 104,5m^2 (có các kích thước như đã nêu trên).

+ Thửa đất ông Phạm Minh T tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 129,2m^2 (có các kích thước như đã nêu trên).

+ Khoảng hở tính từ mép tường nhà (mặt trước) nhà bà T, ông H sang mép ngoài hàng rào nhà ông T là 16cm (hướng Đông); Từ khoảng hở này kéo dọc ra ra sau 03m thì khoảng cá ch giữa tường nh à ông T và tường nhà bà T , ông H là 25cm; Khoảng hở sau cùng (thứ 3) giữa tường nhà ông T và tường nhà bà T , ông H là 13cm.

+ Phần xây dựng (dùng làm máng nước) tầng hai nhà ông T tính từ mép tường nhà ông T có kích thước dài 6,15m, rộng 15cm.

+ Móng nhà ông T giáp nhà bà T (tính từ tường nhà ông T đến mép ngoài móng nhà) có kích thước dài 6,15m, rộng 07cm.

Như vậy quá trình Toà án nhân dân huyện Bố Trạch tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất của bà T, ông H là 104,5m^2, tường rào được xây thẳng theo ranh giới đất...đúng như Bản án số 16/2019/DS – PT ngày 18/3/2019 của Toà án nhân dân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định trong vụ kiện của bà T , ông H với ông T.

Mặt khác giữa nhà bà T, ông H và ông T có khoảng hở như đã nêu trên và hiện trạng ngôi nhà của bà T , ông H vẫn đang giữ nguyên so với thời điểm nhận chuyển

nhượng nên không thể nói ông T khi xây dựng nhà đã đập p há ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ) của bà T, ông H được. Hơn nữa phía bà T cũng chỉ nại ra như vậy nhưng không có chứng cứ chứng minh , nên không có căn cứ để buộc ông T phải bồi thường thiệt hại như bà T yêu cầu.

Đối với phần xây dựng trên không (tầng hai) nhà ông T thì ông T đã thừa nhận khi xây dựng có lấn phần trên không và đồng ý tháo dở khi có yêu cầu, như vậy theo kích thước xem xét, thẩm định nêu trên thì ông T đã xây dựng lấn sang đất bà T, ông H với chiều dài 6,16m, rộng 08cm (đã trừ kích thước phần chân móng).

[2.11] Quá trình làm việc với Toà án bà T đồng ý nếu ông T tháo dỡ hết phần xây dựng lấn sang trên không , còn phần đất nằm giữa khoảng trống hai nhà nói tại mục [2.10] thì bà đề nghị ông T cho bà sử dụng toàn bộ diện tích đất nà y. Trong trường hợp ông T thực hiện ngay việc này thì bà không có yêu cầu gì khác và sẻ rút đơn khởi kiện . Tuy nhiên sau khi ông T đã thực hiện cắt x ong phần xây dựng trên không thì bà lại thay đổi ý kiến , chứng tỏ quan điểm của bà T không rỏ ràng , lập trường luôn thay đổi, không có độ tin tưởng.

[2.12] Tại phiên toà các bên đương sự thừa nhận trong quá trình chuẩn bị giải quyết vụ án ông Phạ m Minh T đã tự nguyện tháo dở phần diện tích xây dựng ở tầng hai kích thước dài 6,15m, rộng 15cm, trong khi đó phần xây dựng chỉ lấn sang chiều dài 6,15m, chiều rộng 08cm (đã trừ đi diện tích chân móng). Như vậy theo đơn khởi kiện của bà T có căn cứ chấp nhận mộ t phần theo yêu cầu , tuy nhiên phần xây dựng lấn sang chiều dài 6,15m, rộng 08cm đã được ông T tháo dở hết . Nhưng bà T vẫn tiếp tục có y êu cầu ông T phải tháo dỡ phần xây dựng lấn trên không dài 12,5m x rộng 0,55m = 6,9m^2 là không có căn cứ chấp nhận . Vì theo kết quả xem xét , thẩm định tại chổ thì ngoài phần xây dựng lấn trên không nêu trên , các phần còn lại ông T không lấn chiếm đất của bà T, ông H.

[2.13]Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 ngày 28/02/2006, diện tích đất 107 m^2 đã cấp cho bà T , ông H đã được Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giải quyết , nên Toà án nhân dân huyện Bố Trạch không xem xét.

Từ các nội dung nhận định ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H về các nội dung:

- Buộc ông Phạm Minh T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm dài 12,5m x rộng 0,55m = 6,9m^2 .

- Buộc tháo dở phần xây dựng trên không (tầng hai) với diện tích dài 12,5m x rộng 0,55m = 6,9m^2.

- Buộc bồi thường ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ).

- Không giải quyết yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, bà T (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 ngày 28/02/2006, diện tích đất 107 m^2).

[2.14]Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, do đó ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch.

+ Về chi phí tố tụng : Bà T tạm nộp chi phí tố tụng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), nhưng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 1.500.000đ (một triệu, năm trăm ngàn đồng) và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T , ông H, nên bà T, ông H phải chịu ½ (750.000đ) số tiền chi phí tố tụng và ông Phạm Minh T phải chịu ½ (750.000đ) chi phí tố tụng để hoàn trả cho bà T, ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 158, 174, 175, 176, 189, 190 và Điều 194 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 52, 59, 95, 96, 97, 98, 99, 166, 170và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Phạm Minh T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm có kích thước dài 12,5m x rộng 0,55m = 6,9m^2 (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Phạm Minh T tháo dở phần xây dựng tầng hai có kích thước dài 12,5m x rộng 0,55m = 6,9m^2, vì phần xây dựng lấn sang đã được ông T tự nguyện tháo dỡ (có sơ đồ kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Phạm Minh T phảibồi thường ô văng che cửa sổ (tiếng địa phương là mày che cửa sổ).

4. Không giải quyết yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, bà T (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 815698 ngày 28/02/2006, diện tích đất 107 m^2).

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Về án phí : Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002672 ngày 04/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

+ Về chi phí tố tụng : Bà T, ông H phải chịu ½ số tiền chi phí tố tụng là 750.000đ, được trừ vào số tiền 3.000.000 đã nộp tạm ứng và được nhận lại 2.250.000đ (trong đó Toà án trả lại 1.500.000đ và được nhận 750.000đ do ông T nộp

để hoàn trả); ông Phạm Minh T phải chịu ½ chi phí tố tụng là 750.000đ để hoàn trả cho bà T, ông H.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2019). Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh QB (P9);
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng